

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 44/2024/HS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Đảm; Ông Đinh Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST - HS ngày 12 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST- HS ngày 02/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/HSST - QĐ ngày 14/5/2024 đối với bị cáo:

Bùi Thị H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày: 02/02/1986, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: **Bùi Văn T** - (Đã chết) và bà **Nguyễn Thị H1** - Sinh năm 1960. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/01/2024 cho đến ngày 01/02/2024, chuyển tạm giam từ ngày 01/02/2024 đến ngày 22/3/2024. Được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 22/03/2024. Hiện bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Phạm Ánh N**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh **Trương Văn T1**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị **Hà Thị T2**, Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

4. Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị **Trương Thị Thùy M**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị **Bùi Thị T3**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

7. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Đều vắng mặt tại phiên tòa (Chị **Bùi Thị T3** có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, **Bùi Thị H** sinh 02/02/1986 trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã nảy sinh ý định cho vay lãi nặng lấy tiền lãi để chi tiêu cá nhân. Khi cho người có nhu cầu vay tiền, **H** sẽ tính tiền lãi xuất theo ngày. Khi đến ngày vay của tháng sau thì người vay phải trả cho **H** số tiền lãi theo lãi suất đã tính. Quá trình thu tiền lãi, có những người vay không trả đúng theo định kỳ thì số tiền lãi thu được sau đó được **H** tính cho thời gian còn nợ lãi trước đó. Khi có khách hàng có nhu cầu vay tiền thì **H** giao dịch trực tiếp với người vay. Khi cho vay, **H** giao dịch, thỏa thuận trực tiếp lãi suất với người vay. Khi giao tiền, **H** cho người vay viết giấy vay tiền theo mẫu đã in sẵn, không ghi lãi suất. Việc đưa tiền có thể đưa trực tiếp tiền cho người vay hoặc chuyển khoản từ số tài khoản của **H** là số 09540668 ngân hàng V (viết tắt của ngân hàng V1) vào tài khoản cho khách hàng nếu khách hàng muốn nhận tiền qua tài khoản. Việc thu tiền lãi **H** thu bằng hình thức nhận tiền trực tiếp hoặc nhận tiền qua tài khoản của **H**.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến thời điểm cơ quan điều tra phát hiện (Ngày 23/01/2024) **Bùi Thị H** đã cho vay lãi nặng đối với 06 người với số tiền và thu lời bất chính như sau:

*** Cho **Bùi Thị T3** vay lãi nặng:**

Ngày 24/12/2019, **H** cho **Bùi Thị T3** sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) trong thời gian từ ngày 24/12/2019 đến ngày 24/4/2022 bằng 850 ngày với lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tức mỗi ngày chị **T3** phải trả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), một tháng 30 ngày phải trả 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất năm cho vay là 109,5%/năm, trong đó mức lãi suất tối đa cho phép thu tiền là 23.342.465 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Tuy nhiên, với mức lãi suất trên **H** cho vay lãi suất gấp 5,475 lần so với lãi suất quy định. Số tiền **H** thu lời bất chính của **Trương Thị T4** trong 850 ngày là **104.157.535 đồng** (Một trăm linh bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba lăm đồng).

Ngày 24/4/2022, **H** và chị **T4** thống nhất trả 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc nhưng chị **T4** còn nợ số tiền lãi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên tổng số tiền chị **T4** trả phải trả cho chị **H** là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Chị **T4** đã chuyển khoản cho **H** 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) bằng số tài khoản 35607205129922 ngân hàng A viết tắt của ngân hàng N2 và phát tiền nông thôn Việt

Nam vào sổ tài khoản của **H** có số tài khoản 09540668 **ngân hàng V** viết tắt của **Ngân hàng V1**. Vậy còn nợ lại số tiền gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) **H** tiếp tục tính lãi cho chị **T4** với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày với 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tương đương mỗi ngày chị **T4** phải trả nợ lãi 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng)/01 ngày. Thời gian từ ngày 24/4/2022 đến ngày 24/12/2022 là 224 ngày, **H** đã thu lợi bất chính từ cho vay lãi là **14.957.535 đồng** (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng). Đến tháng 12/2022, do chị **T4** còn nợ tiền lãi số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và số nợ gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) được cộng tổng số tiền nợ của chị **T4** với **H** là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Lúc này cả chị **T4** và **H** đều thống nhất tính 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trên với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương đương mỗi ngày phải trả bằng 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng) /01 ngày tiền lãi. Chị **T4** tiếp tục trả lãi hàng tháng cho chị **H** nhưng không đầy đủ cho đến tháng 10/2023 tổng số ngày vay là 304 ngày lãi suất cho vay gấp 5,475 lần so với quy định, số tiền **H** đã thu lời bất chính của chị **T4** là **22.362.740 đồng** (Hai mươi hai triệu ba trăm sáu hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

*Như vậy, **Bùi Thị H** đã thu lời từ chị **Bùi Thị T3** số tiền bất chính là: 141.777.810 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười đồng) và tiền tương ứng 20%/năm là 31.682.190 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng).*

*** Cho chị **Trương Thị Thùy M** vay lãi nặng:**

Ngày 21/12/2021, **Bùi Thị H** cho chị **Trương Thị Thùy M** vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương đương mỗi ngày chị **M** phải trả 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng)/01 ngày tiền lãi. Chị **M** vay trong khoảng thời gian từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/6/2022 là 182 ngày với mức lãi suất năm là 109,5 % gấp 5,475 lần lãi suất quy định.

Như vậy, **Bùi Thị H** đã cho chị **Trương Thị Thùy M** vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thu lời bất chính từ chị **Trương Thị Thùy M** số tiền là: **8.925.580 đồng** (Tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng), tiền tương ứng 20%/năm là 1.994.520 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Trong Khoản tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) này, chị **M** đã trả cho **H** 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc.

H đã thu lợi thực tế từ khoản tiền cho vay lãi nặng đối với chị **M** là 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó **8.805.480 đồng** (Tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng) tiền thu lợi bất chính và số tiền tương ứng lãi xuất 20%/ năm là **1.994.520 đồng** (Một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Ngày 21/06/2022, **H** và chị **M** thống nhất lại số tiền gốc còn lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (Ba nghìn đồng)/01 triệu

đồng/ngày tương ứng mỗi ngày chị **Thùy M** phải trả là 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng)/01 ngày tiền lãi tương đương với lãi suất 109,5%/năm gấp 5,475 lần so với quy định. Hàng tháng chị **M** vẫn trả lãi cho **H** cho đến ngày 23/01/2024 tổng là 581 ngày, thu lợi bất chính từ việc cho chị **M** vay là **14.246.439 đồng** (Mười bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng) và tiền tương ứng 20%/năm là 3.183.561 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một đồng).

Trong khoản tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) này, **H** đã thu lãi thực tế là **16.200.000 đồng** (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó 13.241.096 đồng (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) tiền thu lợi bất chính và số tiền tương ứng lãi xuất 20%/ năm là 2.958.904 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh tư đồng).

*Như vậy **Bùi Thị H** đã thực nhận của chị **Trương Thị Thùy M** số tiền lãi là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Trong đó thu lợi bất chính là 22.046.540 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng) và tiền tương ứng 20%/ năm là 4.953.460 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).*

*** Cho **Hà Thị T2** vay lãi nặng:**

- Tháng 4/2022, **H** cho chị **Hà Thị T2** vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (Ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương ứng mỗi ngày chị **T2** phải trả là 120.000 đồng (Một trăm hai mươi nghìn đồng)/01 ngày tiền lãi tương đương với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với quy định. Trong thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 5/2022 là 30 ngày. **H** đã thu lợi **3.600.000 đồng** (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó thu lợi bất chính là: **2.942.466 đồng** (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) và thu tiền vượt 20%/ năm là 657.534 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

- Ngày 10 tháng 5 năm 2022, chị **T2** tiếp tục vay của **H** thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cộng tổng cả nợ gốc và số tiền vay mới là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương ứng mỗi ngày chị **T2** phải trả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ 01 ngày, lãi suất năm cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với quy định. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/5/2022 đến 23/01/2024 là 623 ngày. **T5** lợi bất chính là **76.381.507 đồng** (Bảy mươi sáu triệu ba trăm tám mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng) và thu tiền vượt 20%/ năm là: 17.726.027 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Số tiền chị **T2** thực tế trả cho **H** là: **31.500.000 đồng** (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó: **T6** thu lợi bất chính là: 25.746.576 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng) và tiền tương ứng 20%/ năm là: 5.753.424 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

*Như vậy **Bùi Thị H** đã thực nhận của chị **Hà Thị T2** số tiền lãi là 35.100.000 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó thu lợi bất chính là:*

28.689.042 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng) và tiền tương ứng 20%/ năm là 6.410.958 đồng (Sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng).

*** Cho Nguyễn Thị S vay lãi nặng:**

Ngày 22/01/2022, H cho Nguyễn Thị S vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương đương mỗi ngày chị S phải trả 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng)/01 ngày tiền lãi. Chị S đã trả lãi cho H ba tháng liên tục là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) đến hết ngày 22/4/2022 sau đó không trả lãi nữa. Tuy nhiên, tính đến ngày 23/01/2024 H bị bắt thì số tiền lãi được tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 23/01/2024 là 731 ngày, lãi suất năm cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với quy định. Số tiền H thu lời bất chính từ cho chị S vay lãi là **35.849.042 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng)** và tiền tương ứng 20%/ năm là: 8.010.958 đồng (Tám triệu không trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng).

Nhưng số tiền thu lợi bất chính của chị S thực tế H mới chỉ thu được là **5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)**. Trong đó thu lời bất chính 4.413.699 đồng (Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) và tiền tương ứng 20%/ năm là 986.301 đồng (Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng).

Ngày 21/03/2022, H tiếp tục cho chị Nguyễn Thị S vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương đương mỗi ngày chị S phải trả 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng)/01 ngày tiền lãi. Chị S đã trả được một tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) sau đó chưa trả lãi thêm cho H. Tính thời điểm chị S vay H từ ngày 21/3/2022 đến ngày 23/01/2024 là 673 ngày, lãi suất năm cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với quy định. Số tiền H thu lời bất chính từ chị S vay lãi là **33.004.658 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm linh bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)** và tiền tương ứng 20%/năm là 7.375.342 đồng (Bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Số tiền thu thực tế H thu được là **1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng)**. Trong đó thu lời bất chính là: 1.471.233 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) và tiền tương ứng 20%/ năm là: 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Như vậy Bùi Thị H đã thực thu của chị Nguyễn Thị S là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền thu lời bất chính là 5.884.932 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và tiền tương ứng 20%/ năm là: 1.315.068 đồng (Hai triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

*** Cho Trương Văn T1 vay lãi nặng:**

Ngày 07/07/2021, H cho anh Trương Văn T1 vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), lãi suất 3000 đồng (ba nghìn đồng)/ 01 triệu/ngày, tương đương mỗi ngày anh T1 phải trả lãi 45.000 đồng (Bốn mươi lăm nghìn đồng) lãi suất 109,5%/năm,

gấp 5,475 lần so với quy định. Đến ngày 07/10/2022, anh **T1** đã trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc và trả đủ tiền lãi cho **H**, tổng số ngày **H** cho anh **T1** vay kể từ ngày 07/07/2021 đến ngày 07/10/2022 là 457 ngày. **H** thu lời từ việc cho anh **T1** vay lãi nặng là **16.808.836** đồng (Mười sáu triệu tám trăm linh tám nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) và tiền tương ứng 20%/năm là: 3.756.164 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

Thực tế Bùi Thị H đã thu của anh Trương Văn T1 số tiền 20.250.000 đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi. Trong đó thu lời bất chính là 16.808.836 đồng (Mười sáu triệu tám trăm linh tám nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) và tiền tương ứng 20%/năm là 3.441.164 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

*** Cho vay lãi nặng Phạm Ánh N:**

Ngày 09/6/2022, **H** cho chị **Phạm Ánh N** vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với mức lãi suất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/01 triệu đồng/ngày tương đương mỗi ngày chị **N** phải trả 15.000 đồng (mười lăm nghìn đồng)/01 ngày tiền lãi, lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với quy định. Tính ngày **H** cho vay đến ngày 23/01/2024 **H** bị bắt là 593 ngày. **H** đã thu lời bất chính từ việc cho chị **Ánh N** vay lãi nặng là **7.270.343** đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn ba đồng) và tiền tương ứng 20%/năm là: 1.624.657 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Như vậy với Bùi Thị H đã thu của chị N số tiền là: 8.895.000 đồng (Tám triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền lời bất chính là 7.270.343 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn ba đồng) và tiền tương ứng 20%/năm là 1.624.657 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Tổng số tiền gốc **Bùi Thị H** cho 06 người trên vay là 180.000.0000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) để cho vay lãi nặng. **T5** lợi bất chính số tiền: **337.306.581** đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm linh sáu nghìn năm trăm tám mươi một đồng).

Ngoài ra vào khoảng tháng 6/2023, **H** còn cho ông **Nguyễn Quang T7** sinh năm 1963, trú tại **thôn Á, xã X, huyện P, Thành phố Hà Nội** vay số tiền 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) nhưng không tính lãi, nên cơ quan CSĐT không xem xét xử lý.

Xác minh về điều kiện tài sản, thu nhập của bị cáo, xác định bị cáo không có công việc, thu nhập thường xuyên, hiện có tài sản riêng là một ngôi nhà cấp bốn rộng 120m² được xây dựng trên diện tích đất ở là 190 m². Ngoài ra không có tài sản chung riêng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị **Trương Thị T4**, **Trương Thị Thùy M**, chị **Nguyễn Thị S**, chị **Hà Thị T2**, anh **Trương Văn T1**, chị **Phạm Ánh N** yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính của họ.

Ngày 09/5/2024 **Bùi Thị H** đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01(một) quyển sổ có kích thước (25x17) cm, bìa nhiều màu, có chữ “Phúc Thịnh Happy” bên trong ghi nhiều chữ, số tự nhiên.

- 01(một) quyển sổ, kích thước giấy (19x13) cm, bìa nhiều màu, có chữ **N1** relax and enjoy”, bên trong có ghi nhiều chữ, số tự nhiên.

- 01(một) túi nhựa, kích thước (35x25) cm, bên trong gồm có:

- + 13 (mười ba) tờ giấy khổ A4, có tiêu đề “Giấy vay tiền” in sẵn, không có nội dung viết tay.

- + 01 phụ hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ có tên người vay là **Nguyễn Thị H1**.

- + 01 một tờ giấy kẻ ngang, nhãn hiệu Hải Tiến, kích thước (24x17) cm, bề mặt có chữ viết tay mực màu đen.

- + 01 một máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung Galaxy, đang ở trạng thái khóa màn hình.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Xét thấy các đồ vật tài liệu không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản đồ vật trên cho chủ sở hữu là bà **Nguyễn Thị H1**.

Đối với 09 tờ giấy khổ A4 ghi nội dung thỏa thuận vay tiền giữa **Bùi Thị H** và người được những người vay tiền được bảo quản chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT - VKSTT ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố **Bùi Thị H** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Bùi Thị H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và áp dụng khoản 2; khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Thị H**, từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), để sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền bị cáo đã sử dụng cho các người vay là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó:

- **T5** từ bị cáo số tiền 45.000.000 đồng.

- Thu của chị **T4** số tiền 25.000.000 đồng.

- Thu của chị **M** số tiền 10.000.000 đồng.

- Thu của chị **T2** số tiền 50.000.000 đồng.
- Thu của chị **S** số tiền 40.000.000 đồng.
- Thu của chị **N** số tiền 5.000.000 đồng.
- Thu của anh **T1** số tiền 5.000.000 đồng.

2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% năm: 49.742.497 đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

3. Buộc bị cáo **Bùi Thị H** phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính của những người vay, cụ thể trả lại cho:

- Chị **T4** số tiền 141.777.000 đồng.
- Chị **M** số tiền 22.046.000 đồng.
- Chị **T2** số tiền 28.689.000 đồng.
- Chị **S** số tiền 5.884.000 đồng.
- Chị **N** số tiền 7.270.000 đồng.
- Anh **T1** số tiền 16.808.000 đồng.

4. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành để khắc phục hậu quả. Số tiền này sẽ được đối trừ vào các khoản phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, khoản tiền nộp bổ sung của bị cáo. Số tiền còn lại sẽ được trả lại cho các người vay theo tỉ lệ tương ứng. Tuy nhiên số tiền những người vay nhận được từ bị cáo sẽ dùng để đối trừ không tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là số tiền gốc đã vay của bị cáo.

5. Về án phí: Buộc bị cáo **Bùi Thị H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh tụng: Bị cáo **Bùi Thị H** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm và xin giảm nhẹ hình phạt bổ sung là tiền vì bị cáo đang rất khó khăn về kinh tế, một mình nuôi hai con còn nhỏ, không có việc làm ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra **công an huyện T** và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo **Bùi Thị H** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với diễn biến, thời gian, địa điểm và tang vật của vụ án cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, nên trong khoảng thời gian từ ngày 24/12/2019 đến ngày 23/01/2024 **Bùi Thị H** đã cho

06 người vay tổng số tiền gốc là 180.000.000 đồng, với lãi suất vượt quá 05 lần mức tối đa (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền **337.306.581 đồng** (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm linh sáu nghìn năm trăm tám mươi một đồng), trong đó số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu được **222.477.503 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm linh ba đồng)**. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của **Bùi Thị H** đã phạm vào tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lung lay đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự an tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo cho vay thu lời bất chính 337.306.581 đồng. Trong đó thu lời bất chính của 02 người, với mỗi người trên 30.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo **Bùi Thị H** có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tại ngoại dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ để răn đe bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01(một) quyển sổ có kích thước (25x17) cm, bìa nhiều màu, có chữ “Phúc Thịnh Happy” bên trong ghi nhiều chữ, số tự nhiên.

- 01(một) quyển sổ, kích thước giấy (19x13) cm, bìa nhiều màu, có chữ **N1** relax and enjoy”, bên trong có ghi nhiều chữ, số tự nhiên.

- 01(một) túi nhựa, kích thước (35x25) cm, bên trong gồm có:
+ 13 (mười ba) tờ giấy khổ A4, có tiêu đề “Giấy vay tiền” in sẵn, không có nội dung viết tay.

+ 01 phụ hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ có tên người vay là **Nguyễn Thị H1**.

+ 01 một tờ giấy kẻ ngang, nhãn hiệu Hải Tiến, kích thước (24x17) cm, bề mặt có chữ viết tay mực màu đen.

- + 01 một máy tính bảng, nhãn hiệu Sam sung Galaxy, đang ở trạng thái khóa màn hình.
- + 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Xét thấy các đồ vật tài liệu trên không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của **Bùi Thị H**, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản đồ vật trên cho chủ sở hữu là bà **Nguyễn Thị H1** là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về biện pháp tư pháp:

7.1. Số tiền gốc bị cáo **Bùi Thị H** cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay, được xác định là tiền sử dụng vào việc phạm tội cần buộc bị cáo **H** phải nộp lại số tiền gốc là 180.000.000 đồng; tuy nhiên **H** mới thu được 45.000.000 đồng của người vay, nên cần:

- + Truy thu của chị **Bùi Thị H**: 45.000.000 đồng;
- + Truy thu của chị **Bùi Thị T3**: 25.000.000 đồng;
- + Truy thu của chị **Trương Thị Thùy M**: 10.000.000 đồng;
- + Truy thu của chị **Hà Thị T2**: 50.000.000 đồng;
- + Truy thu của chị **Nguyễn Thị S**: 40.000.000 đồng;
- + Truy thu của anh **Trương Văn T1**: 5.000.000 đồng;
- + Truy thu của chị **Phạm Ánh N**: 5.000.000 đồng.

7.2. Quá trình cho vay, số tiền lãi phát sinh theo quy định của Bộ luật dân sự là: **49.427.497** đồng, đây là tiền **Bùi Thị H** thu được của những người vay, cần truy thu của **H** để sung vào ngân sách Nhà nước.

7.3. Đối với số tiền thu lời bất chính **222.477.503 đồng** mà bị cáo thực thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị **Bùi Thị T3**, chị **Trương Thị Thùy M**, chị **Hà Thị T2**, chị **Nguyễn Thị S**, anh **Trương Văn T1** và chị **Phạm Ánh N** đều yêu cầu bị cáo **Bùi Thị H** phải hoàn trả lại cho họ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên cần buộc bị cáo phải trả cho những người vay là đúng quy định của pháp luật cụ thể như sau:

- Trả cho chị **Bùi Thị T3** số tiền: 141.777.810 đồng.
- Trả cho chị **Hà Thị T2** số tiền: 28.689.042 đồng.
- Trả cho chị **Trương Thị Thùy M** số tiền: 22.046.540 đồng.
- Trả cho chị **S** số tiền: 5.884.932 đồng.
- Trả cho chị **N** số tiền: 7.270.343 đồng.
- Trả cho anh **T1** số tiền: 16.808.836 đồng.

Là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo **Bùi Thị H** đã tự nguyện giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự để khắc phục hậu quả ngày 09/5/2024, cần được thu giữ để trừ vào các khoản bị cáo phải thi hành án là:

- Tiền gốc **H** đã thu của người vay là 45.000.000 đồng;
- Tiền truy thu tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% /năm để nộp ngân sách Nhà nước: **49.427.497 đồng**.
- Tiền phạt bổ sung là 40.000.000 đồng.

Số tiền còn lại 65.572.503 đồng sẽ chia theo tỷ lệ tương ứng cho những người vay được nhận lại số tiền thu lời bất chính cụ thể như sau:

- Trả cho chị **Bùi Thị T3**: 47.572.503 đồng.
- Trả cho chị **Trương Thị Thùy M**: 5.000.000 đồng.
- Trả cho chị **Hà Thị T2**: 6.000.000 đồng.
- Trả cho chị **Nguyễn Thị S**: 1.000.000 đồng
- Trả cho **anh Trương Văn T8**: 4.000.000 đồng.
- Trả cho chị **Phạm Ánh N**: 2.000.000 đồng.

H còn phải tiếp tục trả cho:

- Chị **Bùi Thị T3**: 94.205.307 đồng.
- Chị **Trương Thị Thùy M**: 17.046.540 đồng.
- Chị **Hà Thị T2**: 22.689.042 đồng.
- Chị **Nguyễn Thị S**: 4.884.932 đồng.
- **Trương Văn T1**: 12.808.836 đồng.
- Chị **Phạm Ánh N**: 5.270.343 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo **Bùi Thị H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Bùi Thị H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị H** 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Bùi Thị H** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

2 - Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo **Bùi Thị H** số tiền 40.000.0000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3 - Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Truy thu của bị cáo Bùi Thị H:

+ Số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/ năm là: 49.427.497 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm chín bảy đồng).

+ Truy thu số tiền gốc 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Đề nộp ngân sách Nhà nước.

- Ghi nhận bị cáo **Bùi Thị H** đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự **huyện T** số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), theo biên lai số: 0001047 ngày 09/5/2024. Khoản tiền này được trừ vào các khoản sau:

- + Tiền phạt bổ sung 40.000.0000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);
- + Tiền gốc 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng);
- + Tiền truy thu tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% /năm 49.427.497 đồng (Bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai bảy nghìn bốn trăm chín bảy đồng).

4 - Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo **Bùi Thị H** phải trả số tiền lãi thu vượt quá 20%/ năm cho:

- Chị **Bùi Thị T3**: 141.777.810 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười đồng).
- Chị **Trương Thị Thùy M**: 22.046.540 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng).
- Chị **Hà Thị T2**: 28.689.042 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn hai đồng).
- Chị **Nguyễn Thị S**: 5.885.932 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba hai đồng).
- Anh **Trương Văn T1**: 16.808.836 đồng (Mười sáu triệu tám trăm linh tám nghìn tám trăm ba sáu đồng).
- Chị **Phạm Ánh N**: 7.270.343 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn ba đồng).

Số tiền trên được trả trong số tiền còn lại 65.572.503 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm bảy hai nghìn năm trăm linh ba đồng) của khoản tiền bị cáo tự nguyện giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành là:

- Trả cho chị **Bùi Thị T3**: 47.572.503 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm bảy hai nghìn năm trăm linh ba đồng).
- Trả cho chị **Trương Thị Thùy M**: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- Trả cho chị **Hà Thị T2**: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).
- Trả cho chị **Nguyễn Thị S**: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- Trả cho chị anh **Trương Văn T1**: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Trả cho chị **Phạm Ánh N**: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Bị cáo **Bùi Thị H còn phải tiếp tục trả cho:**

- Chị **Bùi Thị T3**: 94.205.307đ (Chín mươi tư triệu hai trăm linh năm nghìn ba trăm linh bảy đồng).
- Chị **Trương Thị Thùy M**: 17.046.540 đ (Mười bảy triệu không trăm bốn sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng).
- Chị **Hà Thị T2**: 22.689.042 đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm tám chín nghìn không trăm bốn hai đồng).
- Chị **Nguyễn Thị S**: 4.884.932 đ (Bốn triệu tám trăm tám tư nghìn chín trăm ba hai đồng).

- **Trương Văn T1**: 12.808.836 đ (Mười hai triệu tám trăm linh tám nghìn tám trăm ba sáu đồng).

- Chị **Phạm Ánh N**: 5.270.343đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn ba đồng).

5 - Truy thu của:

- Chị **Bùi Thị T3**: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc.

- Chị **Trương Thị Thùy M**: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc.

- Chị **Hà Thị T2**: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

- Chị **Nguyễn Thị S**: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc.

- **Trương Văn T1**: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc.

- Chị **Phạm Ánh N**: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc.

để nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Bùi Thị H** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị **Bùi Thị T3**, chị **Trương Thị Thùy M**, chị **Hà Thị T2**, chị **Nguyễn Thị S**, anh **Trương Văn T1** và chị **Phạm Ánh N**.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn